

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 02/2018/ HSST
Ngày 17 tháng 01 năm 2018

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**** Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Trần Quỳnh Phương.***

**** Hội thẩm nhân dân:***

1- Ông Thạch Hương.

2- Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ.

**** Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Hồng Trinh,*** Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Danh Lê Minh Trí - Kiểm sát viên.***

Ngày 17 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tiến hành phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 127/2017/HSST ngày 03 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trang Ngọc N**, sinh năm 1980 tại Bạc Liêu; nơi ĐKKHKT: số 1/93 khóm S, phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở: số 1/91B, khóm S, phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; trình độ văn hóa: không biết chữ; nghề nghiệp: buôn bán; con ông Trang Văn D (chết) và bà Lê Thị M, sinh năm 1948; Có chồng là Nguyễn Hữu Ng, sinh năm 1980 và 03 người con (lớn nhất sinh năm 2002 và nhỏ nhất sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: không. Bị khởi tố bị can ngày 12/6/2017 và được cho tại ngoại đến nay (Có mặt).

**** Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lâm Quốc T – Luật sư thuộc công ty Luật hợp danh Tạ Nguyệt Thanh (có mặt).***

**** Bị hại: Bà Lê Thị L***, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Ông Trang Hoàng T, sinh năm 1968 (có mặt).

Cùng trú tại: Số 1/93B khóm S, phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

****Người có nghĩa vụ L quan đến vụ án:***

1/ Ông Hồ C, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Trú tại: Khóm N, phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở: Hẻm 14, khóm Tr, phường T, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2/ Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Trú tại: Số 058, khóm Tr, phường T, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3/ Bà Võ Thị N, sinh năm 1983(vắng mặt).

Trú tại: Số 2/85, khóm S, phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì động cơ vụ lợi bất chính, khoảng 08 giờ 30 phút ngày 10/4/2017, Trang Ngọc N lén lút vào nhà ông Trang Hoàng T, bà Lê Thị L ở khu vực khóm S, phường H, thành phố B lấy cắp sổ tiền và vàng có tổng giá trị là 281.114.340đ.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quan điểm truy tố tại Cáo trạng số 114/QĐ-KSĐT ngày 03/11/2017 và đề nghị xử lý như sau:

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Trang Ngọc N mức hình phạt từ 03 năm đến 04 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Ông Trang Hoàng T, bà Lê Thị L đã nhận lại sổ tiền 58.000.000đ và sổ vàng mà bị cáo N đã chiếm đoạt (trừ 01 chỉ vàng 24K bị cáo N đã bán). Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử ông T, bà L không yêu cầu bồi thường thiệt hại sổ tiền và vàng còn lại nên không đặt ra vấn đề trách nhiệm dân sự để xem xét, giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu và tiêu hủy 01 cây kéo có mũi bằng kim loại và cán bằng nhựa màu đen dài 20cm hiện Chi cục thi hành án dân sự thành phố B đang quản lý.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Trang Ngọc N mức án thấp nhất do bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo và bị hại là người thân trong gia đình và bản thân bị hại cũng có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại là ông Trang Hoàng T không yêu cầu bồi thường thiệt hại và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo N được hưởng án treo để bị cáo sớm được đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Trang Ngọc N đã lén lút lấy trộm tài sản của ông Trang Hoàng T và bà Lê Thị L với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 281.114.340đ. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã bị khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can. Quá trình điều tra và truy tố, Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng thuộc Cơ quan cảnh sát điều

tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo qui định của pháp luật tố tụng hình sự.

Đối với bị hại là bà Lê Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, người có nghĩa vụ L quan là ông Hồ C, ông Nguyễn Quốc T, bà Võ Thị N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của bị hại và người có nghĩa vụ liên quan không cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà L, ông C, ông T, bà N. Ngoài ra, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Xét bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm tiền, vàng của ông T, bà L với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 281.114.340đ; lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố và đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa, đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo qui định tại điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Cụ thể như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 10/4/2017, bị cáo Trang Ngọc N đi qua nhà của ông Trang Hoàng T, bà Lê Thị L (là anh ruột và chị dâu của N). Do nhà không khóa cửa và trong nhà không còn ai nên N đi vào lục soát tìm tài sản lấy trộm. Khi đến phòng ngủ của vợ chồng ông T, bà L thì thấy trong phòng có một tủ bằng gỗ (loại tủ ly) có một cánh tủ đã khóa nên N ra khu vực nhà bếp lấy một cây kéo có mũi bằng kim loại và cán bằng nhựa màu đen dài 20cm cạy ổ khóa tủ. Khi phá được khóa tủ, N nhìn thấy bên trong có một cái túi xách màu đen nên mở ra xem thấy bên trong có nhiều tài sản có giá trị là tiền và vàng nên đã lấy đi toàn bộ tài sản gồm: 105.500.000đ; 01 nhẫn trơn vàng 24K có gắn đá cẩm thạch màu xanh trọng lượng 02 chỉ (đã trừ đá); 02 chiếc nhẫn trơn vàng 24K trọng lượng 02 chỉ; 01 chiếc nhẫn mặt tợ vàng 24K trọng lượng 09 chỉ 09 phân 9,5 ly (9,995 chỉ); 01 chiếc nhẫn trơn vàng 24K trọng lượng 04 chỉ 09 phân 9,5 ly (4,995 chỉ); 01 chiếc nhẫn kiểu 4 cánh vàng 18K có gắn đá màu trắng trọng lượng 01 chỉ 03 phân 08 ly (đã trừ đá); 01 chiếc nhẫn kiểu kết chùm vàng 18K có gắn đá màu trắng trọng lượng 01 chỉ 05 phân 8,5 ly (đã trừ đá); 01 chiếc nhẫn vàng 18K có gắn đá màu xanh trọng lượng 01 chỉ 01 phân 6,5 ly (đã trừ đá); 01 đôi bông tai vàng 18K có gắn đá màu trắng trọng lượng 01 chỉ 5,5 ly (đã trừ đá); 01 chiếc lắc dạng khoen lật vàng 18K trọng lượng 14 chỉ 05 phân 09 ly; 01 sợi dây chuyền dạng khoen lật vàng 18K trọng lượng 10 chỉ 01 ly; 01 sợi dây chuyền dạng khoen lật vàng 18K trọng lượng 08 chỉ 03 phân 2,5 ly (8,325 chỉ); 01 dây chuyền dạng chữ cong vàng 18K trọng lượng 02 chỉ 02 phân 2,5 ly và 01 mặt dây chuyền hình ông địa bằng cẩm thạch màu xanh có viền bằng vàng 18K trọng lượng 08 phân 4,5 ly (đã trừ đá).

Sau khi lấy trộm được tài sản, bị cáo N đã dùng số tiền trộm được để chuộc xe mô tô với số tiền 2.100.000đ, trả nợ cho: ông Hồ C 1.500.000đ; ông Nguyễn Quốc T 900.000đ; bà Võ Thị N 2.500.000đ; trả cho Nhân, Nghĩa, Nam, Tư Sen, Năm Dung và Út (không xác định được nhân thân) với số tiền 38.400.000đ; nhờ ông Nguyễn Công H bán 01 chỉ vàng 24K được số tiền 3.400.000đ và đã thua bài hết số tiền này. Ngoài ra, N đã tiêu xài cá nhân hết số tiền khoảng 2.100.000đ.

Khi phát hiện mất tài sản, bà Lê Thị L đến trình báo Công an phường H, thành phố B. Sau đó, bị cáo N đã giao nộp số tiền 58.000.000đ và số vàng còn lại trả cho bà L, ông T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 05/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Bạc Liêu xác định: tổng giá trị số vàng mà bị cáo đã chiếm đoạt là 175.614.340đ.

Trên cơ sở xem xét hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B và lời đề nghị luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa để xử lý trách nhiệm đối với bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo ý thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác do mình thực hiện là vi phạm pháp luật, bị pháp luật xử lý nghiêm nhưng vì mục đích vụ lợi bị cáo đã bất chấp pháp luật, do đó cần xử lý nghiêm đối với bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo do bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả thiệt hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và vị luật sư về việc áp dụng hình phạt cho bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa hôm nay ông Trang Hoàng T xác định không yêu cầu bị cáo N bồi thường thiệt hại và tại đơn xin vắng mặt ngày 15/01/2018 bà Lê Thị L cũng xác định ý kiến không yêu cầu bồi thường thiệt hại; đây là sự tự nguyện của đương sự nên cần ghi nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề trách nhiệm dân sự để giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

[4] Về vật chứng:

- Đối với cây kéo của ông T, bà L mà bị cáo N sử dụng để cạy ổ khóa tủ, ông T, bà L không có yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên được tịch thu và tiêu hủy.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với hành vi đánh bạc của bị cáo Trang Ngọc N với những người khác (không rõ nhân thân). Xét thấy, cơ quan điều tra không làm việc được với những người tham gia đánh bạc với bị cáo, đồng thời số tiền đánh bạc dưới 5.000.000đ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 7; Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định tại khoản 3 Điều 7

Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý là có căn cứ.

[7] Đối với ông Nguyễn Công Hoàng, ông Hồ C, ông Nguyễn Quốc T, bà Võ Thị N khi bán hộ vàng và nhận tiền trả nợ, họ không biết tài sản do bị cáo N phạm tội mà có nên nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/. Tuyên bố bị cáo **Trang Ngọc N** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2/. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trang Ngọc N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

3/. Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy 01 cây kéo.

(Vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/10/2017).

4/. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Trang Ngọc N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, bị cáo Trang Ngọc N, ông Trang Hoàng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Lê Thị L, ông Hồ C, ông Nguyễn Quốc T, bà Võ Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP B;
- Chi cục THADSTPB;
- Công an thành phố B;
- Nhà tạm giữ TP B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Trần Quỳnh Phương